CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

cho kỳ hoạt động từ 17/04/2010 đến 31/12/2010

HÀ NỘI, THÁNG 02 – 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 17/04/2010 đến 31/12/2010 của Công ty Cổ phần ACC-244

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2011

Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần ACC - 244

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 17/04/2010 đến ngày 31/12/2010 được lập ngày 28/01/2011 của Công ty Cổ phần ACC - 244 (gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần ACC - 244.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

Công ty đang thực hiện cơ chế khoán đối với các công trình xây lắp nên không theo dõi công nợ phải thu, phải trả chi tiết tới từng đối tượng khách hàng cung cấp vật tư (Các đối tượng nhận khoán trực tiếp theo dõi). Chúng tôi đã áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên các thủ tục này cũng không cung cấp cho chúng tôi các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đưa ra ý kiến về khoản mục nêu trên.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty CP ACC - 244 cho kỳ hoạt động từ 17/04/2010 đến 31/12/2010:

(a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ 17/04/2010 đến 31/12/2010; và

(b) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần ACC - 244 giữ 05

bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

(Đã ký)

Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

(Đã ký)

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số:1107/KTV

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**169.579.555.551**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**17.847.222.257**
1. Tiền	111		17.847.222.257
2. Các khoản tương đương tiền	112		-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**49.185.518.734**
1. Phải thu của khách hàng	131		48.746.450.816
5. Các khoản phải thu khác	138	V.2.	439.067.918
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**80.412.514.995**
1. Hàng tồn kho	141	V.3.	80.412.514.995
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**22.134.299.565**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.928.280
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.1	22.117.371.285
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	**200**		**9.390.420.560**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**
II. Tài sản cố định	**220**		**9.307.991.472**
1. TSCĐ hữu hình	221	V.5.	7.289.984.902
- Nguyên giá	222		*14.034.747.639*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		*(6.744.762.737)*
3. TSCĐ vô hình	227	V.4.	2.018.006.570
- Nguyên giá	228		*2.019.703.902*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		*(1.697.332)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-
III. Bất động sản đầu tư	**240**		**-**
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**-**
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**82.429.088**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.	82.429.088
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**178.969.976.111**

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**148.396.324.382**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**148.375.324.382**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7.	4.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		-
3. Người mua trả tiền trước	313		88.735.292.895
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8.	2.177.486.863
5. Phải trả người lao động	315		386.240.000
6. Chi phí phải trả	316		-
7. Phải trả nội bộ	317		1.477.378.031
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.9.	50.846.592.067
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		752.334.526
II. Nợ dài hạn	**330**		**21.000.000**
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		21.000.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghiệp	339		-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	**400**		**30.573.651.729**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.10.**	**30.573.651.729**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.408.620.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		634.984.444
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		243.557.319
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		286.489.966
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**178.969.976.111**

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*
Phạm Thị Bích Hạnh	**Nguyễn Thị Vinh**	**Phan Duy Lĩnh**

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ 17/04/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 17/04/2010 đến 31/12/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.11.**	**183.290.694.737**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.12.	140.308.119
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**VI.13.**	**183.150.386.618**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**VI.14.**	**171.416.963.574**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**11.733.423.044**
(20 = 10-11)			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15.	119.258.581
7. Chi phí tài chính	22	VI.16.	62.759.372
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.2	4.292.085.636
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**7.497.836.617**
{30 = 20 + (21-22) - (24+25)}			
11. Thu nhập khác	31	VIII.2.3	141.895.821
12. Chi phí khác	32	VIII.2.4	21.045.066
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**120.850.755**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**7.618.687.372**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.17.	1.909.933.110
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**5.708.754.262**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	***70***		**1.941**

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*
Phạm Thị Bích Hạnh	**Nguyễn Thị Vinh**	**Phan Duy Lĩnh**

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
<Theo phương pháp trực tiếp>
Cho kỳ hoạt động từ 17/04/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 17/04/2010 đến 31/12/2010
I	**Lưu chuyển tiền từ kinh doanh**			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		190.900.137.956
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(181.538.715.356)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.963.219.801)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(158.938.887)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.734.665.317)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		23.436.695.695
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.137.735.563)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**18.803.558.727**
II	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.083.715.051)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		8.120.000
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		119.258.581
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(1.956.336.470)**
III	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.000.000.000
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.000.000.000)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**1.000.000.000**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**		**17.847.222.257**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		-
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	**70**	**V.1.**	**17.847.222.257**

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*
Phạm Thị Bích Hạnh	**Nguyễn Thị Vinh**	**Phan Duy Lĩnh**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ 17/04/2010 đến 31/12/2010

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần ACC - 244 (gọi tắt là "Công ty") trực thuộc tiền thân là Xí nghiệp xây dựng 244 trực thuộc Cục hậu cần Không quân. Sau đó được chuyển đổi thành Công ty cổ phần ACC-244 trực thuộc Công ty Xây dựng Công trình hàng không ACC theo Quyết định Cổ phần hóa Xí nghiệp 244 số 3643/QDD-BQP ngày 04/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0116000134 ngày 16/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ : **29.408.620.000 VND** (*Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, bốn trăm linh tám triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng*).

Trong đó Nhà nước góp 19.908.620.000 VND, chiếm 67,7%.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Khai thác đá;
Khai thác cát sỏi;
Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
Sản xuất các cấu kiện kim loại;
Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
Sửa chữa thiết bị điện;
Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
Thoát nước;
Xử lý nước thải;
Xây dựng nhà các loại;
Xây dựng công trình đường bộ;
Xây dựng công trình công ích;
Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
Phá dỡ;
Chuẩn bị mặt bằng;
Lắp đặt hệ thống điện;
Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
Hoàn thiện công trình xây dựng;
Hoàn thiện xây dựng chuyên dụng khác;
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

Trụ sở Công ty tại: Số 164 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng kỳ hoạt động từ 17/04/2010 đến 31/12/2010 là kỳ hoạt động đầu tiên của doanh nghiệp từ khi chuyển sang hình thức Công ty Cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Do không có phát sinh các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ nên Công ty không phải chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam (VND).

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp thực tế đích danh.
Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm 31/12/2010 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm thuế được hoàn lại)và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị quyết toán công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	*Thời gian khấu hao <năm>*
Nhà cửa vật kiến trúc	5-50
Máy móc, thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính và lợi thế kinh doanh (lợi thế KD không trích khấu hao trong năm 2010, năm 2011 sẽ điều chỉnh sang chi phí dài hạn để phân bổ dần).

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	*Thời gian khấu hao <năm>*
Phần mềm máy vi tính	6

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc nghi nhận chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí :

Chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh;

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ hoạt động xây lắp và cho thuê nhà, ki ốt; Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Do các hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng, Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà và ki ốt được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - " Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

14.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

14.2 Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

14.3 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với hoạt động xây lắp và cho thuê văn phòng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

14.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây dựng được ghi nhận trên cơ sở chi phí tập hợp và tỷ lệ giao khoán cho từng đội đối với từng công trình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ 17/04/2010 đến 31/12/2010
(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**31/12/2010**
		VND
1.1	**Tiền**	
1.1.1	***Tiền mặt tại quỹ***	**390.276.381**
	Tiền mặt VND	390.276.381
1.1.2	***Tiền gửi Ngân hàng***	**17.456.945.876**
	Ngân hàng TMCP Quân đội	17.454.847.152
	Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Đống Đa	2.098.724
	Tổng cộng	**17.847.222.257**
2.	**Các khoản phải thu ngắn hạn khác**	**31/12/2010**
		VND
	Phải thu khác	***439.067.918***
	Lương nghỉ chờ hưu từ T5/2010 chờ quyết toán	301.102.662
	Phải thu chi phí lắp đặt cẩu tháp	35.480.916
	Chi phí sử dụng cẩu tháp	4.545.454
	Tạm ứng xây dựng website	14.965.000
	Bảo hiểm y tế năm 2011	80.483.760
	Phải thu thuế TNCN quý IV	2.490.126
	Tổng cộng	**439.067.918**
3.	**Hàng tồn kho**	**31/12/2010**
		VND
	Công cụ dụng cụ	9.500.000
	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	80.403.014.995
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	**80.412.514.995**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ 17/04/2010 đến 31/12/2010
(tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	Nguyên giá						
	Số dư ngày 17/04/2010	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
	- Mua trong năm	-	659.963.599	-	16.536.364	1.351.385.163	2.027.885.126
	- Tăng do XDCB hoàn thành	317.614.834	-	-	-	-	317.614.834
	- Tăng khác	3.127.741.857	4.487.482.582	1.277.002.000	526.081.019	2.705.805.456	12.124.112.914
	- Thanh lý, nhượng bán	(37.922.283)	(42.380.952)	-	(164.360.500)	-	(244.663.735)
	- Giảm khác	-	-	(160.000.000)	(30.201.500)	-	(190.201.500)
	Số dư ngày 31/12/2010	**3.407.434.408**	**5.105.065.229**	**1.117.002.000**	**348.055.383**	**4.057.190.619**	**14.034.747.639**
	Giá trị hao mòn luỹ kế						
	Số dư ngày 17/04/2010	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
	- Khấu hao trong năm	174.907.219	676.888.777	91.315.341	28.805.846	855.713.902	1.827.631.085
	- Tăng khác	1.566.827.111	1.756.852.281	497.667.489	444.870.937	1.052.387.323	5.318.605.141
	- Thanh lý, nhượng bán	(37.922.283)	(42.380.952)	-	(161.170.254)	-	(241.473.489)
	- Giảm khác	-	-	(160.000.000)	-	-	(160.000.000)
	Số dư ngày 31/12/2010	**1.703.812.047**	**2.391.360.106**	**428.982.830**	**312.506.529**	**1.908.101.225**	**6.744.762.737**
	Giá trị còn lại						
	Tại ngày 17/04/2010	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Tại ngày 31/12/2010	**1.703.622.361**	**2.713.705.123**	**688.019.170**	**35.548.854**	**2.149.089.394**	**7.289.984.902**

** Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND*
** Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 49.360.000 VND*
** Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 473.987.870 VND*
** Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: ... VND*
** Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: ... VND*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ 17/04/2010 đến 31/12/2010
(tiếp theo)

5. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm Kế toán	Lợi thế kinh doanh	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 17/04/2010	**-**	**-**	**-**
- Mua trong năm	15.276.000	-	**15.276.000**
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	**-**
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	**-**
- Tăng khác	17.478.940	2.004.427.902	**2.021.906.842**
- Thanh lý, nhượng bán	(17.478.940)	-	**(17.478.940)**
- Giảm khác	-	-	**-**
Số dư ngày 31/12/2010	**15.276.000**	**2.004.427.902**	**2.019.703.902**
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư ngày 17/04/2010	**-**	**-**	**-**
- Khấu hao trong năm	1.697.332	-	**1.697.332**
- Tăng khác	17.478.940	-	**17.478.940**
- Thanh lý, nhượng bán	(17.478.940)	-	**(17.478.940)**
- Giảm khác	-	-	**-**
Số dư ngày 31/12/2010	**1.697.332**	**-**	**1.697.332**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 17/04/2010	**-**	**-**	**-**
Tại ngày 31/12/2010	**13.578.668**	**2.004.427.902**	**2.018.006.570**

6. Chi phí trả trước dài hạn	**31/12/2010**
	VND
Công cụ dụng cụ phân bổ dần	82.429.088
Tổng cộng	**82.429.088**

7. Các khoản vay và nợ ngắn hạn		**31/12/2010**
		VND
	Lãi suất/ năm	
Vay ngắn hạn		**4.000.000.000**
Ngân hàng TMCP Quân đội	13,5%	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	14,0%	2.000.000.000
Tổng cộng		**4.000.000.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ 17/04/2010 đến 31/12/2010
(tiếp theo)

8.	**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**	**31/12/2010**
		VND
	Thuế GTGT	1.530.858.815
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	644.137.922
	Thuế thu nhập cá nhân	2.490.126
	Tổng cộng	**2.177.486.863**

9.	**Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**	**31/12/2010**
		VND
	Phải trả các công trường	42.230.354.098
	- Đội 1	*1.278.144.449*
	- Đội 2	*1.558.657.483*
	- Đội 3	*3.193.738.739*
	- Đội 5	*985.450.408*
	- Đội 6	*4.102.968.846*
	- Đội 7	*1.555.926.372*
	- Đội 8	*1.449.971.013*
	- Xí nghiệp 41	*19.330.595.823*
	- Xí nghiệp 42	*4.969.449.527*
	- Đối tượng khác	*3.805.451.438*
	Kinh phí công đoàn	38.756.001
	Phải trả về cổ phần hoá	4.217.849.812
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.359.632.156
	Tổng cộng	**50.846.592.067**

10. Vốn chủ sở hữu

10.1 ***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Chỉ tiêu	**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**	**Vốn khác của chủ sở hữu**	**Lợi nhuận chưa phân phối**	**Tổng cộng**
	Số dư tại ngày 17/04/2010	**-**	**-**	**-**	**-**
	- Tăng vốn trong năm nay	29.408.620.000	-	-	**29.408.620.000**
	- Lãi trong năm nay	-	-	5.708.754.262	**-**
	- Tăng khác	-	634.984.444	-	**634.984.444**
	- Chia cổ tức	-	-	(3.087.905.100)	**-**
	- Phân phối cho các quỹ	-	-	(1.718.939.798)	**-**
	- Giảm khác	-	-	(901.909.364)	**-**
	Số dư tại ngày 31/12/2010	**29.408.620.000**	**634.984.444**	**-**	**30.043.604.444**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ 17/04/2010 đến 31/12/2010
(tiếp theo)

10.2	***Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu***	**31/12/2010**
		VND
	Vốn góp của Nhà nước	19.908.620.000
	Vốn góp của đối tượng khác	9.500.000.000
	Tổng cộng	**29.408.620.000**
10.3	**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:**	**Từ 17/04/2010 đến 31/12/2010**
		VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
	Vốn góp đầu năm	-
	Vốn góp tăng trong năm	29.408.620.000
	Vốn góp giảm trong năm	-
	Vốn góp cuối năm	29.408.620.000
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	-
10.4	**Cổ phiếu**	
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	2.940.862
	Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	
	- Cổ phiếu phổ thông:	950.000
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	
	- Cổ phiếu phổ thông:	2.940.862
	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP	

10.5 ***Các quỹ của doanh nghiệp***

Khoản mục	17/4/2010	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2010
Quỹ đầu tư phát triển	-	572.979.933	329.422.614	243.557.319
Quỹ dự phòng tài chính	-	286.489.966	-	286.489.966
Tổng cộng	**-**	**859.469.899**	**329.422.614**	**530.047.285**

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 10% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó 329.422.614 VND được sử dụng để bổ sung vốn khác của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.Quỹ dự phòng tài chính được trích lập lập trong năm bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ 17/04/2010 đến 31/12/2010
(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

11.	**Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**Từ 17/04/2010 đến 31/12/2010**
		VND
	Doanh thu hợp đồng xây dựng	182.837.967.464
	Doanh thu cho thuê nhà và mặt bằng	452.727.273
	Tổng cộng	**183.290.694.737**
12.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	**Từ 17/04/2010 đến 31/12/2010**
		VND
	Giảm giá hàng bán (giảm giá trị quyết toán công trình)	140.308.119
	Tổng cộng	**140.308.119**
13.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**Từ 17/04/2010 đến 31/12/2010**
		VND
	Doanh thu hợp đồng xây dựng	182.697.659.345
	Doanh thu cho thuê nhà và mặt bằng	452.727.273
	Tổng cộng	**183.150.386.618**
14.	**Giá vốn hàng bán**	**Từ 17/04/2010 đến 31/12/2010**
		VND
	Giá vốn hợp đồng xây dựng	171.416.963.574
	Tổng cộng	**171.416.963.574**
15.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**Từ 17/04/2010 đến 31/12/2010**
		VND
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	119.258.581
	Tổng cộng	**119.258.581**

16.	**Chi phí tài chính**	**Từ 17/04/2010 đến 31/12/2010**
		VND
	Chi phí tài chính khác	62.759.372
	Tổng cộng	**62.759.372**

17.	**Chi phí thuế thu nhập hiện hành**	**Từ 17/04/2010 đến 31/12/2010**
		VND
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.909.933.110
	Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-
	Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.	1.909.933.110

18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**Từ 17/04/2010 đến 31/12/2010**
		VND
	Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.708.754.262
	Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
	Các khoản điều chỉnh tăng	-
	Các khoản điều chỉnh giảm	-
	Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.940.862
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.941

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

VIII. Những thông tin khác

1.Thông tin về các bên liên quan

2. Những thông tin khác

2.1	***Tài sản ngắn hạn khác***	**31/12/2010**	
		VND	
	Tạm ứng	***22.117.371.285***	
	Ông Hoàng - Đội 1	1.300.000.000	
	Xí nghiệp 42 - Đ/c Nguyên	2.883.122.792	
	Xí nghiệp 41	8.151.888.344	
	Các đối tượng khác	9.782.360.149	
	Tổng cộng	**22.117.371.285**	

2.2 ***Chi phí quản lý doanh nghiệp***	**Từ 17/04/2010 đến 31/12/2010**
	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.710.932.861
Chi phí vật liệu quản lý	170.861.279
Chi phí đồ dùng văn phòng	111.616.013
Chi phí khấu hao TSCĐ	544.453.968
Thuế, phí, lệ phí	344.456.448
Chi phí dự phòng	21.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.565.703
Chi phí bằng tiền khác	920.199.364
Thù lao HĐQT, ban kiểm soát	324.000.000
Tổng cộng	**4.292.085.636**

2.3 ***Thông tin so sánh***

Kỳ hoạt động từ 17/04/2010 đến 31/12/2010 là kỳ hoạt động đầu tiên của doanh nghiệp từ khi chuyển sang Công ty Cổ phần nên không có số liệu so sánh.

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*
Phạm Thị Bích Hạnh	**Nguyễn Thị Vinh**	**Phan Duy Lĩnh**